

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 304/2026/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần P (Gọi tắt là O)

Trụ sở: Tòa nhà T, số A T, phường A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người được uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Anh T1, chức vụ chuyên viên thu hồi nợ. Địa chỉ liên hệ: A H, phường N, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn*: Ông Trương Quang V, sinh năm 1964 và bà Lê Thị T2, sinh năm 1964. Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Trương Quang V và bà Lê Thị T2 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền tổng cộng tính đến ngày 03/6/2026 là **1.255.818.842 đồng** (Một tỷ, hai trăm năm mươi lăm triệu, tám trăm mười tám nghìn, tám trăm bốn mươi hai đồng). Trong đó: Tiền gốc khoản vay là 1.200.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 31.963.939 đồng; tiền gốc khoản thẻ tín dụng là 18.980.357 đồng, lãi khoản thẻ tín dụng là 4.874.546 đồng và tiếp tục phải trả nợ lãi phát sinh tính từ ngày 04/6/2026 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thoả thuận trong các hợp đồng tín dụng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, mà bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả tiền lãi đối với số

tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất tính theo các hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký, thời gian tính từ ngày 04/6/2026 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Khi ông **Trương Quang V** và bà **Lê Thị T2** trả đủ số tiền phải trả thì **Ngân hàng thương mại cổ phần P** phải trả cho ông **Trương Quang V** và bà **Lê Thị T2** Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 235549 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** cấp ngày 02/6/2022 mang tên ông **Trương Quang V**. Quyền sử dụng đất có diện tích 1600,6m² thuộc thửa đất 416, tờ bản đồ số 08; Địa chỉ thửa đất tại: **Thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi**.

Trường hợp ông **Trương Quang V** và bà **Lê Thị T2** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ tiền nợ cho **Ngân hàng thương mại cổ phần P** thì quyền sử dụng đất đã được cấp giấy chứng nhận nêu trên cùng các tài sản hiện có trên đất sẽ được phát mãi để đảm bảo cho việc thi hành án để thu hồi nợ. Nếu tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì ông **Trương Quang V** và bà **Lê Thị T2** phải tiếp tục trả tiền cho đến khi trả hết nợ.

- Về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản là 10.000.000 (*Mười triệu đồng*). Các đương sự thỏa thuận ông **Trương Quang V** và bà **Lê Thị T2** phải chịu. Ông **Trương Quang V** và bà **Lê Thị T2** phải trả lại cho **Ngân hàng thương mại cổ phần P** số tiền đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

- Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Các đương sự thỏa thuận bị đơn ông **Trương Quang V** và bà **Lê Thị T2** phải liên đới chịu 24.837.282 đồng (*Hai mươi bốn triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn, hai trăm tám mươi hai đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Do ông **V**, bà **T2** là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí DSST cho bị đơn.

+ **Ngân hàng thương mại cổ phần P** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho **Ngân hàng thương mại cổ phần P** số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 24.689.135 (*Hai mươi bốn triệu, sáu trăm tám mươi chín ngàn, một trăm ba mươi lăm*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001825 ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 4;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự.
- Phòng Thi hành án khu vực 4;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Hồng Dung